

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hà Quế Phương
2. Bà Vũ Thị Mùi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/HNGĐ-ST ngày 22/4/2022 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/04/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 293/2, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn D D (Nguyễn Đ D), sinh năm 1985.

Địa chỉ: 48 L Rd G Ct 06033, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn D D (Nguyễn Đ D) tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND thành phố BH cấp giấy chứng nhận theo giấy số 278 ngày 27/09/2019.

Sau khi chấp nhận cùng sống chung kể từ ngày đăng ký kết hôn tại địa chỉ 293/2, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Ông bà đã xảy ra những mâu thuẫn và bất hòa.

Vào giữa năm 2021, ông Dũng trở về Mỹ. Từ lúc này, những mâu thuẫn không được giải quyết rõ ràng, do cả hai bên sống xa nhau. Vì vậy ông bà đã bàn bạc và quyết định dừng cuộc sống gia đình với nhau. Dù đã được gia đình hai bên

cố gắng hàn gắn và có đủ thời gian để suy nghĩ đến quyết định này. Ông Dũng vẫn đang sống tại Mỹ và bà hiện tại cũng đã ổn định cuộc sống ở Việt Nam. Nên ông bà quyết định dừng xây dựng cuộc sống chung. Bà H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn D D.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn D D trình bày:*

Hiện nay ông Dũng đang cư trú tại 48 Lexington Rd Glastonbury Ct 06033, USA. Vì điều kiện công việc nên ông không thể sang Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa ông và bà H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Vũ Thị Ngọc H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa bà H với ông Dũng là hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn D D sinh sống ở nước ngoài, không về Việt Nam, bà H trình bày hai bên thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ để chấp nhận

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Bà H phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Nguyễn D D là người nước ngoài- Quốc tịch: Hoa Kỳ và hiện cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử :

Nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyen D D đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và đã có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyen D D và bà Vũ Thị Ngọc H được Ủy ban nhân dân thành phố BH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 278 ngày 27/9/2019, hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Bà H yêu cầu xin ly hôn do đó áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy bà H và ông Dũng không thể tiếp tục xây dựng được cuộc sống chung do khoảng cách về địa lý; giữa các bên phát sinh mâu thuẫn, bà H trình bày đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân của ông bà không còn cần thiết do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3.2] Về con chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

[5] Đối với quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 238, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 124 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn D D.

2. Về con chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Vũ Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000211 ngày 21/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Bà Vũ Thị Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, ông Nguyễn D D được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- UBND H. Trảng Bom;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trần Thanh Phong